

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tạm thời các định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho dự án
khuyến nông Trung ương**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 3661/QĐ-BNN-TCCB ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Quy chế quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 4939/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập hội đồng thẩm định định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho các dự án khuyến nông Trung ương;

Căn cứ kết quả thẩm định của các phiên họp Hội đồng theo Quyết định số 4939/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho các dự án khuyến nông Trung ương áp dụng từ năm 2020 tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Thủ trưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Tài chính, Trung tâm KNQG;
- Lưu: VT, KHCN (ĐK.10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Le Quốc Doanh

Phụ lục

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT ÁP DỤNG CHO CÁC DỰ ÁN KHUYẾN
NÔNG TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1188 /QĐ-BNN-KHCN ngày 31 tháng 3 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. MÔ HÌNH: TRỒNG CỎ NGỌT

1. Phần vật tư

Đơn vị tính: cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
<i>I</i>	<i>Giống</i>			
	- Giống trồng mới (cây trong bầu)	cây	100.000	
	- Giống trồng dặm (cây trong bầu)	cây	10.000	
<i>II</i>	<i>Vật tư</i>			
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	120	
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	90	
4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	500	

**Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.*

2. Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai/năm	tháng	09	
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Tập huấn kỹ thuật mô hình	ngày/lớp	1	
2.2	Tập huấn nhân rộng MH	ngày/lớp	2	
3	01 cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	



II. MÔ HÌNH: SẢN XUẤT PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH TỪ CHẾ PHẨM BIOTECH JAPAN EM

1. Phần vật tư

TT	Hạng mục		Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Loại phân	Nguyên liệu/chế phẩm			
1	Sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phụ phẩm trồng trọt	Phụ phẩm từ trồng trọt (rơm rạ, thân lá, xơ dừa, vỏ quả ...)	kg	1.000	Nguyên liệu và chế phẩm để sản xuất ra 1 tấn phân hữu cơ vi sinh
		Chế phẩm Biotech Japan EM hoặc EM tương tự	lít	5	
		Đạm nguyên chất (N)	kg	1	
		Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	1	
		Kali nguyên chất (K_2O)	kg	1	
		Nấm Trichoderma	kg	1	
		Cám gạo, bột ngô, bột mì...	kg	10	
		Vôi bột	kg	10	
2	Sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải thủy sản	Phế phụ phẩm thủy sản (bùn đáy ao nuôi)	tấn	2	Nguyên liệu và chế phẩm để sản xuất ra 1 tấn phân hữu cơ vi sinh
		Chế phẩm Biotech Japan EM hoặc EM tương tự	lít	5	
		Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	1	
		Xơ dừa	kg	250	
		Vôi bột	kg/tấn	10	

*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.

2. Phần triển khai: Áp dụng cho 01 trong 2 công thức sản xuất phân ở trên.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	3	
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Lớp cho người tham gia mô hình	ngày/lớp	1	
2.2	Lớp cho đối tượng nhân rộng mô hình	ngày/lớp	2	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	tấn nguyên liệu	200	

III. MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA CÚC

1. Phần vật tư

Đơn vị tính cho: 1 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Giống (Cúc bông hoặc cúc cảnh)			Vật tư cho 1 ha trồng cúc bông hoặc cúc cảnh
	- Cúc bông	cây	400.000	
	- Cúc cảnh	cây	350.000	
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	140	
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	175	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	150	
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	
6	Phân bón lá	1.000 đ	3.000	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	3.000	
8	Vôi bột	kg	800	
9	Vật tư khác (điện chiếu sáng):			
	- Dây điện (1,5-2,0 ly)	m	5.000	
	- Bóng điện (Compac 20 W hoặc sợi đốt 75 W)	cái	1.660	

*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.

2. Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	04	
2	Tập huấn, đào tạo			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Đào tạo ngoài mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	≤ 1	